

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ  
(sửa đổi, bổ sung lần 1)

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Ban hành Quy định Đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ sửa đổi, bổ sung lần 1.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2019-2020, áp dụng đối với sinh viên đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng: Khoa, Phòng, Ban, Bộ môn, Trung tâm, Đơn vị thuộc Trường và toàn thể sinh viên đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Hải Phòng, ngày 09 tháng 7 năm 2019

## QUY CHẾ

**Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (sửa đổi, bổ sung lần 1)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-YDHP ngày 09 tháng 7 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi module/học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo ở trình độ đại học tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (sau đây gọi tắt là trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

##### Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết module/học phần

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo; điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện CTĐT.
2. Mỗi CTĐT gắn với một ngành đào tạo và được cấu trúc từ các module/học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Mỗi module/học phần đều có đề cương chi tiết. Đề cương chi tiết thể hiện rõ: mục tiêu; số lượng tín chỉ; điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành (nếu có); nội dung lý thuyết, thực hành và thực tập; cách thức lượng giá; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập lâm sàng.
4. CTĐT trình độ đại học bao gồm: hệ chính quy, hệ liên thông chính quy và hệ liên thông vừa làm vừa học.

Khối lượng kiến thức của mỗi CTĐT (không bao gồm các học phần *Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*) được quy định như sau:

- CTĐT 04 năm: tối thiểu 120 tín chỉ, tối đa 140 tín chỉ.
- CTĐT 05 năm: tối thiểu 150 tín chỉ, tối đa 175 tín chỉ.
- CTĐT 06 năm: tối thiểu 180 tín chỉ, tối đa 210 tín chỉ.

5. Đối với chương trình liên thông, tổng khối lượng kiến thức ở chương trình trung cấp hoặc cao đẳng được bảo lưu và chương trình học tương đương với



chương trình đào tạo hệ chính quy.

### **Điều 3. Module/học phần và Tín chỉ**

1. Module/học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi module/học phần gắn với một mức trình độ/chuẩn năng lực theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tích hợp từ nhiều môn học. Từng module/học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định từ điển CTĐT. Mỗi module/học phần không quá 05 tín chỉ.

2. Các loại module/học phần:

a) Có hai loại module/học phần trong CTĐT:

- Module/học phần bắt buộc: chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy trong quá trình học.

- Module/học phần tự chọn: chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, bổ trợ nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

b) Khi tổ chức dạy - học các module/học phần được phân thành:

- Module/học phần tiên quyết: sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký học module/học phần tiếp theo và phải thực hiện đúng theo CTĐT.

- Module/học phần học trước: module/học phần A là module/học phần phải học trước của module/học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học module/học phần B thì phải đăng ký và học xong module/học phần A.

- Module/học phần song hành: các học phần song hành với module/học phần A là những module/học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với module/học phần A.

- Module/học phần điều kiện: sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất hoặc các học phần khác được trường quy định.

- Module/học phần chính: là module/học phần chuyên ngành chính yếu của ngành đào tạo.

3. Tín chỉ

- Tín chỉ học tập (TCHT): là đơn vị được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; bằng 45 tiết thực tập tại cơ sở, cộng đồng, bệnh viện, làm khóa luận, hoặc chuyên đề tốt nghiệp.

Đối với những module/học phần lý thuyết để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân (có hướng dẫn và

đánh giá). Đối với giảng viên phải dành ít nhất 10 tiết cho một tín chỉ lý thuyết chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên.

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

- Tín chỉ học phí (TCHP): là đơn vị được sử dụng để xác định mức học phí cho mỗi TCHT sinh viên đăng ký học và được quy định đầu mỗi năm học.

4. Điểm module/học phần, điểm trung bình chung tích lũy

- Điểm tổng kết của module/học phần (gọi chung là điểm học phần), điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,1 (không phải một).

5. Điểm để xét học bổng và xử lý học vụ đều tính theo thang điểm 10; điểm xếp loại và công nhận tốt nghiệp tính theo thang điểm 4.

Việc quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và thang điểm chữ được xác định như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9,0 đến 10	A <sup>+</sup>	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B <sup>+</sup>	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C <sup>+</sup>	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	Từ 5,0 đến 5,4	D <sup>+</sup>	1,5
Không đạt	Dưới 4,0	D	1,0
		F	0

#### Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập

1. Thời gian hoạt động giảng dạy của trường: được tính từ 7h30 đến 17h20 hằng ngày, thực hiện 5 ngày/tuần (từ thứ hai đến thứ sáu). Thời gian hoạt động giảng dạy của trường cụ thể như sau:

Buổi	Tiết	Thời gian	Nghỉ giải lao
Sáng	1	07h30 – 08h20	10 phút
	2	08h30 – 09h20	10 phút
	3	09h30 – 10h20	10 phút
	4	10h30 – 11h20	-
<i>Nghỉ</i>			
Chiều	5	13h30 – 14h20	10 phút
	6	14h30 - 15h20	10 phút
	7	15h30 – 16h20	10 phút
	8	16h30 – 17h20	-
<i>Nghỉ</i>			

